

Số: /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày

tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng áp dụng đối với các Tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2649/TTr-STP ngày 24 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng áp dụng đối với các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định)

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các Tổ chức hành nghề công chứng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Anh

PHỤ LỤC

Giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng áp dụng đối với các Tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Yên Bái
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	NỘI DUNG	MỨC THU
I	SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	(đồng/trường hợp)
1	Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.	210.000
2	Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất.	210.000
3	Hợp đồng thuê, mượn quyền sử dụng đất, thuê nhà ở; thuê, thuê lại tài sản.	210.000
4	Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp.	140.000
5	Hợp đồng mua bán, tặng cho tài sản khác, góp vốn bằng tài sản khác.	140.000
6	Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh.	280.000
7	Hợp đồng vay tiền.	170.000
8	Hợp đồng thế chấp tài sản, cầm cố tài sản.	140.000
9	Hợp đồng ủy quyền.	110.000
10	Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch.	140.000
11	Hợp đồng, giao dịch khác.	140.000
12	Văn bản hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.	140.000
13	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản.	280.000
14	Văn bản thỏa thuận về tài sản của vợ chồng.	210.000
15	Di chúc.	210.000
16	Văn bản từ chối nhận di sản.	140.000
17	Giấy ủy quyền.	70.000

STT	NỘI DUNG	MỨC THU
II	ĐÁNH MÁY, SAO CHỤP VĂN BẢN	<i>(đồng/trang)</i>
1	Đánh máy văn bản (trang A4) (không thu đối với trường hợp đã thu thù lao soạn thảo hợp đồng, giao dịch tại mục I)	7.000
2	Sao chụp văn bản (trang A4)	1.000
3	Sao chụp văn bản (trang A3)	1.000
III	CÁC VIỆC KHÁC	<i>(đồng/trường hợp)</i>
1	Sao lục hồ sơ.	70.000
2	Công bố di chúc.	140.000
3	Niêm yết thông báo hồ sơ thừa kế:	
3.1	Dưới 10km	200.000
3.2	Từ 10km đến dưới 20km	400.000
3.3	Từ 20km đến dưới 50km	600.000
3.4	Các trường hợp khác	Tự thỏa thuận

(Ghi chú: Mức thu trên đã bao gồm 10% thuế giá trị gia tăng).